

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2024
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Tươi.
2. Ông Huỳnh Chí Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Văn Chí T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là ông Văn Chí T trình bày:

Về hôn nhân, ông (Văn Chí T) và bà Trần Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh C chứng nhận kết hôn ngày 17/8/2022. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh

phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai không còn sống chung với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Ông nhận xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị B đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Văn Chí T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là ông Văn Chí T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là bà Trần Thị B vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Ông Văn Chí T và bà Trần Thị B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2022, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa ông Văn Chí T và bà Trần Thị B được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung, cả hai không còn chung sống với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Văn Chí T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B. Bà Trần Thị B đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét, ông Văn Chí T cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Văn Chí T bà Trần Thị B đã và đang trầm trọng. Do đó, việc ông Văn Chí T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Văn Chí T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Văn Chí T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc gia Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Văn Chí T ly hôn với bà Trần Thị B.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Văn Chí T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Văn Chí T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014832, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND thị trấn R,
huyện N, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước